

## KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIÁ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

Thực hiện công văn số 1455/SGDDĐT-GDTrH&GDTX, ngày 20/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024-2025; Công văn số 514/SGDDĐT-GDTrH&GDTX ngày 01/4/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II, năm học 2024-2025;

Căn cứ vào Kế hoạch số 185/KH-THPTLTK ngày 05/9/2024 Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025. Trường THPT Lý Thường Kiệt xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá học kỳ II, năm học 2024-2025 như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Đánh giá chất lượng dạy và học của nhà trường trong học kỳ II và cả năm học 2024-2025. Đánh giá kết quả việc tổ chức dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

Nội dung đề kiểm tra đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, phù hợp với chương trình dạy học, thời gian quy định của môn kiểm tra. Với khối lớp 12, nội dung, hình thức kiểm tra bám sát nội dung, hình thức thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II nghiêm túc, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chính xác, công bằng, trung thực, khách quan; Gửi đề, đáp án và báo cáo kết quả về Sở GD&ĐT đúng thời gian quy định (15/01/2024). Đánh giá, xếp loại kết quả rèn luyện, học tập của học sinh học kỳ II phải bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT.

### **II. NỘI DUNG**

#### **1. Môn kiểm tra, đề kiểm tra**

##### **1.1 Môn kiểm tra**

Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục ở các khối lớp.

##### **1.2. Đề kiểm tra**

###### **1.2.1. Sở GD&ĐT chỉ đạo ra đề kiểm tra:**

+ Lớp 10, 11 (4 môn): Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử.

###### **1.2.2. Nhà trường chỉ đạo ra đề kiểm tra:** Các môn còn lại

+ Lớp 12 (15 môn/HĐGD): gồm: Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, GDKT&PL, Công nghệ (CN, NN), Tin học, HĐTNHN, nội dung GDĐP, Âm nhạc, GDTC, GDQPAN.

+ Lớp 10, 11 (11 môn/HĐGD): Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, GDKT&PL, Công nghệ (CN, NN), Tin học, Âm nhạc, GDĐP, HĐTNHN, GDTC, GDQPAN.

## 2. Hình thức kiểm tra

### 2.1. Các môn kiểm tra do Sở GD&ĐT ra đề:

- Hình thức tự luận: Ngữ văn lớp 10, 11, 12.
- Hình thức trắc nghiệm 100% gồm các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ (CNCN) lớp 12.
- Hình thức kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận khối 10, 11 là 70% trắc nghiệm, 30% tự luận các môn học/HĐGD đánh giá bằng điểm số kết hợp nhận xét Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, GDKT&PL, Tin học, Công nghệ (CN, NN) lớp 10, 11.
- Các môn học/HĐGD đánh giá bằng nhận xét có thể sử dụng các hình thức: Dự án, báo cáo, thực hành trải nghiệm phù hợp hoặc làm bài kiểm tra.

### **Lưu ý:**

+ Đối với môn Tiếng Anh: Tiếp tục kiểm tra kỹ năng nói với lớp 10, 11 theo hướng dẫn tại Công văn số 1173/SGDDĐT-GDTrH ngày 20/10/2014 của Sở GDĐT và Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GDĐT về việc triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn Tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015.

+ Học sinh làm bài kiểm tra trên giấy đối với các môn có tự luận và phiếu trả lời trắc nghiệm (*mẫu phiếu nhà trường phát*).

### 2.2. Các môn kiểm tra do nhà trường ra đề:

Theo tiến độ chương trình đang thực hiện, các tổ, nhóm chuyên môn thống nhất xây dựng ma trận, bản đặc tả và ra đề cho phù hợp Các môn trường ra đề kết hợp trắc nghiệm và tự luận: Mức độ nhận thức theo tỷ lệ (5:3:2).

- Các môn đánh giá bằng điểm số kết hợp nhận xét: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận.

- Các môn/HĐGD đánh giá bằng nhận xét tùy theo đánh giá bằng bài kiểm tra, bài thu hoạch hoặc báo cáo dự án (thống nhất cả khối)

Phần trắc nghiệm (7 điểm) ra hai đề gốc trộn làm 6 mã đề cụ thể như sau:

Khối 12

| TT | Môn     | Phần I        | Phần II   | Phần III     |
|----|---------|---------------|-----------|--------------|
| 1  | Toán    | 12 câu: 3 đ   | 4 câu: 4đ | 6 câu: 3đ    |
| 2  | Lí      | 18 câu: 4.5 đ | 4 câu: 4đ | 6 câu: 1.5 đ |
| 3  | Hóa     | 18 câu: 4.5 đ | 4 câu: 4đ | 6 câu: 1.5 đ |
| 4  | Sinh    | 18 câu: 4.5 đ | 4 câu: 4đ | 6 câu: 1.5 đ |
| 5  | Địa     | 18 câu: 4.5 đ | 4 câu: 4đ | 6 câu: 1.5 đ |
| 6  | Lịch sử | 24 câu: 6đ    | 4 câu: 4đ |              |
| 7  | GDKTPL  | 24 câu: 6đ    | 4 câu: 4đ |              |

|  |           |             |           |  |
|--|-----------|-------------|-----------|--|
|  | Tin học   | 24 câu: 6đ  | 4 câu: 4đ |  |
|  | CNCN      | 24 câu: 6đ  | 4 câu: 4đ |  |
|  | Tiếng Anh | 40 câu: 10đ |           |  |

#### Khối 10, 11

| TT | Môn                | Phần I      | Phần II    | Phần III   |
|----|--------------------|-------------|------------|------------|
| 1  | Lí 10, 11          | 12 câu: 3 đ | 3 câu: 3 đ | 4 câu: 1 đ |
| 2  | Hóa 10, 11         | 12 câu: 3 đ | 3 câu: 3 đ | 4 câu: 1 đ |
| 3  | Sinh 10, 11        | 12 câu: 3 đ | 3 câu: 3 đ | 4 câu: 1 đ |
| 4  | Địa 10, 11         | 12 câu: 3 đ | 3 câu: 3 đ | 4 câu: 1 đ |
| 5  | GDKTPL 10,11       | 16 câu: 4 đ | 3 câu: 3 đ |            |
| 6  | Tin học 10, 11     | 16 câu: 4 đ | 3 câu: 3 đ |            |
| 7  | CN (CN, NN) 10, 11 | 16 câu: 4 đ | 3 câu: 3 đ |            |

Phần tự luận (3 điểm) ra 1 đề chung từ 2 đến 3 câu trong mỗi câu có các ý nhỏ cho điểm đến 0.25đ.

\* Chi tiết hình thức kiểm tra cuối HKII như sau: (theo phụ lục I)

### 3. Yêu cầu của đề kiểm tra

- Chính xác, khoa học, logic và đảm bảo yêu cầu cần đạt của môn học;
- Tăng cường câu hỏi mở, câu hỏi mang tính thực tiễn, câu hỏi vận dụng kiến thức liên môn nhằm đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và tính sáng tạo của học sinh.

- Đối với các môn Sở GD&ĐT ra đề: Kiểm tra kiến thức đến hết tuần 32.

### 4. Thời gian làm bài của các môn

#### 4.1. Đối với các môn do Sở ra đề chung toàn tỉnh

- Môn Toán, Ngữ văn: 90 phút.
- Môn Tiếng Anh (10, 11, 12): 60 phút.
- Các môn học còn lại: 45 phút.

#### 4.2. Đối với các môn còn lại do nhà trường ra đề:

- Các môn học còn lại thời gian làm bài kiểm tra đối với môn có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học và hoạt động giáo dục có trên 70 tiết/năm học: 60 phút (HĐTNHN: 60 phút)

Sở GDĐT ấn định lịch kiểm tra các môn làm đề chung. Các môn còn lại, nhà trường chủ động chỉ đạo kiểm tra xong chậm nhất ngày 26/4/2025 đối với khối 12, 17/5/2025 đối với khối 10, 11.

Lịch kiểm tra cụ thể theo phụ lục II đính kèm

+ Môn **Tiếng Anh** tổ CM bố trí giáo viên kiểm tra kỹ năng nói theo lịch:

Sáng thứ 5 (15/5) khối 10 kiểm tra các lớp 10a5 đến 10a9

Chiều thứ 5 (15/5) khối 11 kiểm tra các lớp từ 11A1 đến 11A4

Sáng thứ 6 (16/5) khối 10 kiểm tra các lớp từ 10A1 đến 10A4

Chiều thứ 6 (16/5) khối 11 kiểm tra các lớp từ 11aA5 đến 11A9

+ Các môn: **Âm nhạc, GDTC, QPAN, HĐTNHN, GDDP** các tổ/nhóm CM bố trí thời gian kiểm tra trong tuần từ ngày 14-19/4/2025 đối với khối 12, từ ngày 5-10/5/2025 đối với khối 10, 11 => Báo lịch kiểm tra về nhà trường trước tuần để theo dõi.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Thực hiện chương trình**

- Các tổ CM rà soát tiến độ thực hiện chương trình theo quy định, tổ chức dạy bù nếu chậm chương trình, ôn tập và bổ sung kiến thức cho học sinh đảm bảo hiệu quả, thiết thực; nghiêm cấm giáo viên dồn ép hoặc cắt xén chương trình (TCM thống kê báo cáo thực hiện chương trình đến 03/5 về nhà trường) trước ngày 26/5/2025 đối với khối 10, 11 .

- Môn nào chậm chương trình bố trí dạy bù đảm bảo kịp tiến độ với khối 10, 11; Khối 12 sau khi kiểm tra xong tích cực ôn tập thi tốt nghiệp.

#### **2. Công tác chuẩn bị của tổ, nhóm bộ môn**

- Thống nhất: Nội dung ôn tập, xây dựng ma trận, bản đặc tả đối với các môn trường tự ra đề (theo hướng dẫn của Sở). Phân công giáo viên làm đề cương ôn tập chung của từng môn, khối (In phát cho từng lớp để ôn tập).

- Tổ trưởng tổng hợp ma trận, bản đặc tả, đề, đáp án trắc nghiệm chuyên về bảng Excel theo mẫu phần mềm trộn đề và hướng dẫn chấm tự luận đóng gói, nén theo từng môn, gửi đến địa chỉ mail [thhien.c3ltk@bacgiang.edu.vn](mailto:thhien.c3ltk@bacgiang.edu.vn) theo kế hoạch (trước ngày 16/4/2025 đối với khối 12, trước ngày 07/5/2025 đối với khối 10, 11).

**\* Ghi chú: Mỗi môn ra 2 đề gốc, trộn thành 6 mã từ 101 đến 106 đối với khối 10; từ 111 đến 116 đối với khối 11; từ 121 đến 126 đối với khối 12 (Đổi đuôi PDF các mã đề trước khi chuyển về Nhà trường).**

#### **3. Công tác đăng ký, nhận đề, in đề**

- Các môn Sở ra đề:

+ Đăng ký (theo mẫu) trước ngày 11/4/2025 qua địa chỉ email: [phongthpt@bacgiang.edu.vn](mailto:phongthpt@bacgiang.edu.vn)

+ Họp và nhận đề: 9 giờ, ngày 12/5/2025.

+ Địa điểm: Trường THPT Chuyên Bắc Giang.

- Các môn trường ra đề: Duyệt, in xong trước ngày 19/4/2025 đối với khối 12, 10/5/2025 đối với khối 10, 11.

#### **4. Xếp phòng kiểm tra**

Số lượng học sinh trong một phòng phù hợp điều kiện phòng học của nhà trường và đảm bảo an toàn, nghiêm túc.

Bố trí phòng kiểm tra riêng đối với học sinh kiểm tra môn Tiếng Anh theo khối lớp; kiểm tra kỹ năng nghe và kiểm tra kỹ năng viết cùng phòng, không tách riêng; bố trí các phòng kiểm tra nói môn Tiếng Anh ở khu vực các phòng chức năng (khu nhà mới) để không ảnh hưởng đến học sinh.

**Cụ thể:**

- Khối 12: 12 phòng; Khối 11: 13 phòng; Khối 10: 13 phòng (30 HS/phòng)
- Đồng chí Trần Thị Dung lập danh sách học sinh kiểm tra cuối HKII theo phòng theo nhóm môn đối với từng khối 10, 11, 12 (*Dán bảng thông báo và gửi qua Zalo trước ngày 19/4/2025 đối với khối 12, 10/5/2025 đối với khối 10, 11*)

### **5. Coi, chấm bài kiểm tra**

- Đồng chí Nguyễn Văn Hậu (Thư ký HĐ) căn cứ lịch kiểm tra cuối HKI phân công GV coi, chấm (*Thông báo trên Zalo trước 19/4/2025*)
- Tổ chức coi kiểm tra, chấm, chữa bài nghiêm túc, kịp thời.
- Đối với phần kiểm tra tự luận: Có nhận xét đánh giá vào bài kiểm tra; đánh giá kết quả khách quan, thực chất năng lực học tập của học sinh.
- Bài kiểm tra cuối học kỳ sau khi chấm, chữa trả bài cho học sinh xem, được lưu giữ chung tại nhà trường (trước 25/5/2025).

### **6. Nộp đề và báo cáo kết quả về Sở GD&ĐT**

- Thời gian nộp kết quả, bài kiểm tra về nhà trường *trước 25/5/2025*.
- Gửi đề, đáp án đối với những môn tự ra đề và kết quả kiểm tra cuối học kỳ I về Phòng GDTrH&GDTX theo địa chỉ email phongthpt@bacgiang.edu.vn trước 25/5/2025.

**Lưu ý:** Trong thời gian tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II, Sở GD&ĐT thành lập các tổ kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch dạy học, quy chế chuyên môn và công tác tổ chức kiểm tra cuối học kỳ. Nhà trường yêu cầu các tổ chuyên môn kiểm tra, đôn đốc GV hoàn thành chương trình, điểm số, các loại hồ sơ theo qui định và kế hoạch kiểm tra giáo viên học kỳ II (*theo kế hoạch*); văn phòng chuẩn bị hồ sơ liên quan phục vụ tổ kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức kiểm tra học kỳ 2 năm học 2024-2025 của trường THPT Lý Thường Kiệt. Đề nghị các tổ chuyên môn, giáo viên trong trường nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện có vấn đề vướng mắc liên hệ bộ phận chuyên môn (đồng chí Hiền) để cùng giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng GDTrH, GDTX (B/cáo);
- Hiệu trưởng (Chỉ đạo);
- Các Phó Hiệu trưởng (Chỉ đạo);
- CD, ĐTN (Đề p/h);
- Các TTCM (Đề t/h);
- CB, GV, NV (Đề t/h);
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



The stamp is red and circular, containing the text: "ĐẢNG VÀ ĐÀO TẠO TỈNH", "TRƯỜNG", "TRUNG HỌC", "PHỔ THÔNG", "LÝ THƯỜNG", "KIẾT", "SỞ", "GD&ĐT". A blue ink signature is written over the stamp.

**Trần Hữu Hiền**

**PHỤ LỤC I**  
**Hình thức kiểm tra**

(kèm theo Kế hoạch số: 57 /KH-THPTLTK ngày 04/4/2025 của trường THPT  
Lý Thường Kiệt)

| <b>Môn</b>         | <b>Khối</b> | <b>Hình thức</b>                                                                       | <b>Thời gian</b> | <b>Ra đề</b>    |
|--------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|
| <b>Toán</b>        | 12          | 100%TN                                                                                 | 90 phút          | Đề của Trường   |
|                    | 11,10       | 70%TN+30%TL                                                                            | 90 phút          | Đề của Sở GD&ĐT |
| <b>Văn</b>         | 12          | Tự luận                                                                                | 90 phút          | Đề của Trường   |
|                    | 10, 11      | Tự luận                                                                                | 90 phút          | Đề của Sở GD&ĐT |
| <b>Anh</b>         | 12          | 100%TN                                                                                 | 60 phút          | Đề của Trường   |
|                    | 10, 11      | 90%TN+10%TL                                                                            | 60 phút          | Đề của Sở GD&ĐT |
| <b>Sử</b>          | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          | Đề của Trường   |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          | Đề của Sở GD&ĐT |
| <b>Lý</b>          | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          | Đề của trường   |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>Hóa</b>         | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          |                 |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>Sinh</b>        | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          |                 |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>Địa</b>         | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          |                 |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>GDKT&amp;PL</b> | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          |                 |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>CN (CN, NN)</b> | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          |                 |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>Tin</b>         | 12          | 100%TN                                                                                 | 45 phút          |                 |
|                    | 10, 11      | 70%TN+30%TL                                                                            | 45 phút          |                 |
| <b>HĐTN-HN</b>     | 10, 11, 12  | 70%TN+30%TL,<br>Dự án, báo cáo,<br>thu hoạch                                           | 60 phút          | Đề trường ra    |
| <b>GDDP</b>        | 10, 11, 12  | 70%TN+30%TL,<br>Dự án, thu hoạch,<br>báo cáo                                           | 45 phút          | Đề trường ra    |
| <b>Âm nhạc</b>     | 11, 12      | TCM thống nhất GVBM bố trí thời gian chủ động kiểm tra trong tuần 16 (Từ 16 --> 21/12) |                  |                 |
| <b>GDTC</b>        | 10, 11, 12  |                                                                                        |                  |                 |
| <b>GDQP</b>        | 10, 11, 12  |                                                                                        |                  |                 |

## PHỤ LỤC II

### LỊCH KIỂM TRA HỌC KỲ 2

Năm học 2024-2025

(kèm theo Kế hoạch số: 57 /KH-THPTLT ngày 04/4/2025 của trường THPT  
Lý Thường Kiệt)

#### Khối 12

| Thứ, ngày        | Buổi  | Môn, lớp     | Thời gian<br>làm bài | Thời gian<br>giao đề | Thời gian<br>tính giờ |
|------------------|-------|--------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Hai<br>21/4/2025 | Chiều | Ngữ văn 12   | 90 phút              | 13 giờ 25            | 13 giờ 30             |
|                  |       | Hóa + GD 12  | 45 phút              | 15 giờ 25            | 15 giờ 30             |
|                  |       | Tin + CN 12  | 45 phút              | 16 giờ 25            | 16 giờ 30             |
| Ba<br>22/4/2025  | Chiều | Toán 12      | 90 phút              | 13 giờ 25            | 13 giờ 30             |
|                  |       | Lịch sử 12   | 45 phút              | 15 giờ 25            | 15 giờ 30             |
|                  |       | Vật lý 12    | 45 phút              | 16 giờ 25            | 16 giờ 30             |
| Thứ<br>23/4/2025 | Chiều | Tiếng Anh 12 | 60 phút              | 13 giờ 25            | 13 giờ 30             |
|                  |       | Sinh học 12  | 45 phút              | 14 giờ 55            | 15 giờ 00             |
|                  |       | Địa lý 12    | 45 phút              | 15 giờ 55            | 16 giờ 00             |

#### Khối 10, 11

|                  |       |                 |         |           |           |
|------------------|-------|-----------------|---------|-----------|-----------|
| Ba<br>13/5/2025  | Sáng  | Ngữ văn 11      | 90 phút | 7 giờ 10  | 7 giờ 15  |
|                  |       | Tiếng Anh 11    | 60 phút | 9 giờ 05  | 9 giờ 10  |
|                  |       | Tin học + CN 11 | 45 phút | 10 giờ 25 | 10 giờ 30 |
|                  | Chiều | Ngữ văn 10      | 90 phút | 13 giờ 25 | 13 giờ 30 |
|                  |       | Tiếng Anh 10    | 60 phút | 15 giờ 25 | 15 giờ 30 |
|                  |       | Tin học + CN 10 | 45 phút | 16 giờ 30 | 16 giờ 35 |
| Thứ<br>14/5/2025 | Sáng  | Toán 11         | 90 phút | 7 giờ 10  | 7 giờ 15  |
|                  |       | Lịch sử 11      | 45 phút | 9 giờ 05  | 9 giờ 10  |
|                  |       | Địa lý 11       | 45 phút | 10 giờ 15 | 10 giờ 20 |
|                  | Chiều | Toán 10         | 90 phút | 13 giờ 25 | 13 giờ 30 |
|                  |       | Lịch sử 10      | 45 phút | 15 giờ 25 | 15 giờ 30 |
|                  |       | Địa lý 10       | 45 phút | 16 giờ 30 | 16 giờ 35 |
| Thứ<br>15/5/2025 | Sáng  | Vật lý 11       | 45 phút | 7 giờ 10  | 7 giờ 15  |
|                  |       | Hóa học 11      | 45 phút | 8 giờ 15  | 8 giờ 20  |
|                  |       | Sinh học 11     | 45 phút | 9 giờ 25  | 9 giờ 30  |
|                  |       | GDKTPL 11       | 45 phút | 10 giờ 30 | 10 giờ 35 |
|                  | Chiều | Vật lý 10       | 45 phút | 13 giờ 25 | 13 giờ 30 |
|                  |       | Hóa học 10      | 45 phút | 14 giờ 30 | 14 giờ 35 |
|                  |       | Sinh + GD 10    | 45 phút | 15 giờ 35 | 15 giờ 40 |